

V/v: ly hôn giữa chi H – anh T

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 03/4/2007 tại UBND phường H, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở tự nguyện. Từ khi chị sinh con thứ hai năm 2010, vợ chồng thường xuyên khắc khẩu, cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau, anh T thường xúc phạm, không tôn trọng, đánh chị. Vợ chồng không có sự chia sẻ thông cảm với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng kéo dài, mỗi lần cãi nhau là anh T lại đuổi chị ra khỏi nhà. tính đến nay, chị đã phải 03 lần dọn ra khỏi nhà để ở, xong vì nghĩ thương các con nên chị lại quay về. Kể từ ngày 07/3/2019, do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, chị đã đem theo hai con chuyển đến chỗ ở tại địa chỉ hiện nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Quá trình sống ly thân, anh T cũng đồng ý và không có ý kiến gì phản đối cũng như không gây khó khăn, cản trở gì việc ba mẹ con chị chung sống cùng nhau. Vợ chồng có nói chuyện và thỏa thuận về việc ly hôn, chị và anh T đã cùng ký đơn thuận tình ly hôn nộp tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc thuận tình ly hôn, anh T không hợp tác đến Tòa án để giải quyết, chị đã phải đơn phương xin ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ, chị xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung là: Trần Thị Vân G - sinh ngày 31/12/2007 và Trần Thị Hà V - sinh ngày 10/01/2010. Hiện các con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian chung sống, anh T không làm tròn trách nhiệm của người cha với các con, để mặc, phó thác cho chị chăm sóc nuôi dạy con cái. Kể từ khi ly thân nhau, chị đã cùng hai con chuyển đi nơi khác sinh sống, anh T cũng không phản đối hoặc gây khó khăn, cản trở. Do vậy, sau ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, nhà mua chung: Ngay từ những ngày đầu mới chung sống, anh T đã để riêng những tài sản kiếm được và trong suốt những năm chung sống, chị và anh T không có sự liên quan về kinh tế, không có tài sản chung, công nợ chung. Do vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, nhà ở. Ly hôn, chị xin được chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đối với anh Trần Ngọc T: Kể từ ngày 20/3/2019, khi anh T, chị H cùng ký đơn thuận tình ly hôn nộp tại Tòa án Cầu Giấy, Trung tâm hòa giải tại Tòa án đã mời các bên lên để hòa giải, nhưng anh T vắng mặt. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh T, chị H vào các ngày 04/7/2019; 07/8/2019; 15/5/2020, xong anh T đều vắng mặt. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T cũng không có ý kiến trình bày hoặc có quan điểm về việc giải quyết vấn đề ly hôn, nuôi con và tài sản gửi Tòa án.

#### **Tại phiên tòa:**

- Chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh Trần Ngọc T. Chị H vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ và nhà ở, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, chị tự lo chỗ ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì bằng văn bản

gửi Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình tranh tụng, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy nhận thấy Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thu thập đầy đủ các chứng cứ, thực hiện trình tự cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn, tuân thủ quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vi phạm thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xác định chị H, anh T kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích pháp luật để chị H quay về đoàn tụ, nhưng chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu. Về tài sản, nhà ở, công nợ, các bên đương sự cũng không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:**

Ngày 20/3/2019, anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị H cùng nộp đơn Yêu cầu giải quyết việc dân sự về thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh T không đến Tòa án để giải quyết. Ngày 26/4/2019, chị H đơn phương nộp đơn xin ly hôn anh Trần Ngọc T. Tại thời điểm chị H nộp đơn, anh T và chị H cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại phòng A, nhà B, tổ C, khu đô thị N, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quan hệ pháp luật phải giải quyết là tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn.

Anh Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần liên tiếp, nhưng đều vắng nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

#### **[2]. Xét về yêu cầu xin ly hôn:**

Chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2007 tại UBND phường H, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa thể hiện một hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do các bên không hòa hợp trong cuộc sống vợ chồng, bất đồng về quan điểm, tính cách. Vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau, chị H đã nhiều lần phải ra khỏi nhà để sống. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Kể từ đầu năm 2019, chị H và anh T đã sống ly thân, mọi sinh hoạt, kinh tế đều riêng biệt không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải cho các bên để tìm giải pháp hàn gắn cuộc sống gia đình, nhưng chị H đều cương quyết xin ly hôn. Về phía anh T đều không tham dự các phiên hòa giải thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay, theo quy định của pháp luật, Tòa án tiếp tục hòa giải nhưng chị H vẫn xác định tình cảm không còn, vẫn cương quyết xin ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.**

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T hiện đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau và cuối tháng 3 năm 2019 đã cùng ký đơn thuận tình ly hôn vì cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ, không tôn trọng nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay, chị H xác nhận không còn tình cảm với anh T, các bên không còn quan tâm đến nhau thể hiện đời sống chung không thể kéo dài. Cuộc sống hôn nhân của chị H, anh T đã không còn tuân thủ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

**[3]. Về con chung:** chị H, anh T có hai con chung, hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng là nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển của con trẻ. Kể từ khi chị H, anh T ly thân cho đến nay, con chung đều do chị H một mình chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung của chị H, anh T đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Tại thời điểm xét xử vụ án, cả hai con chung của chị H, anh T đều còn nhỏ, cháu lớn 13 tuổi, cháu nhỏ 10 tuổi, cả hai cháu đều là cháu gái và đang sinh hoạt ổn định cùng chị H. Do vậy, để phù hợp với tâm sinh lý, lứa tuổi, giới tính và tránh xáo trộn cuộc sống con trẻ, xét thấy cần tiếp tục giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với thực tế cuộc sống, điều kiện sinh hoạt, nguyện vọng của các con chung và điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, xét thấy: Theo chị H trình bày thì từ khoảng cuối năm 2014 đến nay, anh T cũng rất ít khi góp tiền nuôi con. Một mình chị tự chăm sóc, nuôi dạy con cái. Kể từ khi ly thân nhau đến nay, ba mẹ con chị vẫn sống ổn định. Nay ly hôn chị H cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị H, phù hợp với điều kiện cuộc sống và không trái pháp luật nên chấp nhận. Cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Sau ly hôn, anh T có quyền gặp gỡ, thăm nom,

chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

**[4]. Về tài sản chung, nhà mua chung, công nợ chung:** chị H không yêu cầu giải quyết, anh T thì không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản, công nợ, nhà ở nên Tòa án không xem xét. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

**[5]. Về chỗ ở sau khi ly hôn:** chị H, anh T tự lo chỗ ở như hiện nay, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**[6]. Về án phí:** Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**[7]. Quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015. Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lương Thị H.

Chị Lương Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc T.

**2.** Giao các con chung là: Trần Thị Vân G - sinh ngày 31 tháng 12 năm 2007; Trần Thị Hà V - sinh ngày 10 tháng 01 năm 2010 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Ngọc T cho đến khi chị Lương Thị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, gặp gỡ, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

**3.** Về tài sản chung, nhà mua chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết. Sau ly hôn, nếu các bên có tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

**4.** Về chỗ ở sau khi ly hôn: chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc T tự lo chỗ ở sau ly hôn như hiện nay, không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

**5.** Về án phí: chị Lương Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm,

được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0006984 ngày 04/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

**6. Quyền kháng cáo:** chị Lương Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội.
- VKSND quận Cầu Giấy + HN.
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.
- UBND phường H, thành phố T, Tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu VP+HS TAND Quận Cầu Giấy.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Mạnh Hải**